

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TNL VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TNL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNL VIET NAM TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TNL VIET NAM TRADING, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109010285

3. Ngày thành lập: 03/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 163 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 2, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sợi	1311
2.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
5.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
6.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
7.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
8.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
9.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
10.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
11.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
12.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
13.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
14.	Sản xuất giày, dép	1520
15.	In ấn	1811
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Sao chép bản ghi các loại	1820
18.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

21.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	2599
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
24.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
25.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
26.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
27.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
28.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
29.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
30.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
31.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
32.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
33.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
34.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
35.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
36.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
37.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
38.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
39.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
40.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
41.	Xây dựng nhà để ở	4101
42.	Xây dựng nhà không để ở	4102
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Xây dựng công trình điện	4221
46.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới hàng hóa	4610
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác Bán buôn hàng may mặc Bán buôn giày dép	4641
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
65.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659(Chính)
67.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662

68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
70.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
71.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đấu giá)	4719
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

78.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
79.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
80.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
81.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
82.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
83.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
84.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
85.	Bốc xếp hàng hóa	5224
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
88.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
91.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
92.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
93.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); Kinh doanh dịch vụ viễn thông, Kinh doanh Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet	6190

94.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình Thi công xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. ; Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giám sát	7110
95.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy hàng hóa thời trang khác.	7410

97.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại Hoạt động môi giới bản quyền	7490
98.	Cho thuê xe có động cơ	7710
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
100.	Đại lý du lịch	7911
101.	Điều hành tua du lịch	7912
102.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
103.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
105.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
106.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
107.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
108.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
109.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
110.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	Số 295, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 4, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	40,000	001189020692	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	40,000		
2	DƯƠNG THÙY LINH	Số 53A phố Dương Văn Bé, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	001181027032	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		

3	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Số 23, Tổ 6, phố Hội Xá, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	0011890196 75
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189020692

Ngày cấp: 11/06/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật
Tự Xã Hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 295, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 4, Phường Phúc
Đông, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 295, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 4, Phường Phúc Đông, Quận Long
Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội